SỞ THÔNG TIN & TRUYỀN THÔNG TUYÊN QUANG
ĐẾN Số: 7606
Ngày: 26/12/2016

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 192 /BC-UBND	*Tuyên Quang, ngày 20 tháng 12 năm 2016*

BÁO CÁO
Việc thực hiện chính sách, pháp luật về an toàn thực phẩm giai đoạn 2011-2016

Thực hiện Văn bản số 2507/VPQH-GS ngày 10/10/2016 của Văn phòng Quốc hội về việc xây dựng báo cáo thực hiện chính sách pháp luật về an toàn thực phẩm,

Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang báo cáo kết quả thực hiện chính sách pháp luật về an toàn thực phẩm giai đoạn 2011-2015 như sau:

Phần I
TÌNH HÌNH THỰC THI CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM TỪ 2011-2016

I. VIỆC TRIỂN KHAI, TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

1. Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền

Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành 03 văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 01 văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến chính sách về an toàn thực phẩm (ATTP) trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

- Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành: Nghị quyết số 10/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hóa đối với một số cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 13/7/2016 về chính sách khuyến khích phát triển Hợp tác xã nông, lâm nghiệp, thủy sản trên địa bàn tỉnh.

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành: Quyết định số 01/2013/QĐ-UBND ngày 05/01/2013 về việc ban hành quy chế quản lý khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản ở các vùng nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND ngày 17/7/2015 về việc ban hành Quy định về hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với

tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn; quy mô diện tích tối thiểu đối với Dự án cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Nhìn chung, các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành cơ bản đồng bộ để quản lý an toàn thực phẩm, đáp ứng được yêu cầu quản lý nhà nước về chất lượng vệ sinh ATTP, nâng cao chất lượng hàng hóa thực phẩm; đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, bảo vệ sức khỏe con người và môi trường.

2. Việc xây dựng, ban hành, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thực phẩm và các quy định kỹ thuật để quản lý

Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các ngành: Y tế, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các ngành có liên quan khác căn cứ các tiêu chuẩn ngành, quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam, quy định về chỉ tiêu mức giới hạn do Bộ Y tế ban hành theo quy định của Luật ATTP để áp dụng kiểm tra, giám sát chất lượng và cấp giấy tiếp nhận công bố hợp quy, giấy xác nhận công bố phù hợp quy định ATTP các sản phẩm thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

Từ 2011-2016, theo chức năng nhiệm vụ được giao Sở Y tế đã cấp 51 giấy chứng nhận tiêu chuẩn sản phẩm, giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy, giấy xác nhận công bố phù hợp quy định ATTP cho các sản phẩm thực phẩm trên địa bàn tỉnh. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hoặc quy định về chỉ tiêu, mức giới hạn an toàn thực phẩm đã quy định rõ ràng do đó các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm dễ thực hiện, áp dụng phù hợp với đặc tính kỹ thuật của các sản phẩm thực phẩm được sản xuất trên địa bàn tỉnh.

Các ngành chức năng trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua đã tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn cho các cơ sở thực phẩm biết và áp dụng các quy định về điều kiện để sản xuất, kinh doanh theo đúng các quy định của pháp luật. Tuy nhiên, điều kiện như cơ sở vật chất quy định cho các cơ sở sản xuất thực phẩm vẫn còn có một số cơ sở chưa đáp ứng được yêu cầu do quy mô nhỏ lẻ, kinh doanh mang tính mùa vụ, ...

3. Việc chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh

3.1. Các văn bản chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh trong triển khai thực hiện chính sách pháp luật về bảo đảm ATTP

Thực hiện Luật ATTP và các các quy định của Chính phủ, hướng dẫn của các bộ, ngành trung ương về phân cấp, phân công, quản lý an toàn thực phẩm, trong giai đoạn 2011-2015, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều văn bản để triển khai thực hiện và chỉ đạo về công tác ATTP, cụ thể:

- Các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: Quyết định số 535/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 *phê duyệt Quy hoạch phát triển Trồng trọt tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030*; Quyết định số 322/QĐ-UBND ngày 09/9/2013 *phê duyệt Quy hoạch phát triển thủy sản tỉnh Tuyên Quang đến năm 2015, định hướng đến năm 2020*; Quyết định số 240/QĐ-UBND ngày 14/6/2014 *phê duyệt Quy hoạch phát triển chăn nuôi*

tỉnh Tuyên Quang đến năm 2012 đến năm 2020; Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND ngày 17/7/2015 *về việc ban hành Quy định về hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn; quy mô diện tích tối thiểu đối với Dự án cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang*; Quyết định số 208/QĐ-UBND ngày 14/7/2015 *phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Tuyên Quang theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2015-2020.* Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 09/3/2016 *quy định cơ quan kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp; kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm và phân cấp quản lý các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ trên địa bàn tỉnh.*

- Các Chỉ thị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 01/3/2012 *về đẩy mạnh công tác tiêm phòng gia súc gia cầm và phòng, chống dịch cúm gia cầm năm 2012*; Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 11/3/2013 *về công tác tiêm phòng và phòng chống dịch bệnh động vật năm 2013*; Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 11/02/2014 *về công tác tiêm phòng và phòng chống dịch bệnh động vật năm 2014*; Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 02/3/2015 *về tăng cường công tác tiêm phòng và phòng chống dịch bệnh động vật năm 2015;* Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 28/11/2015 *về tăng cường quản lý chất lượng vật tư nông lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh.*

- Các Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh: Kế hoạch số 31/KH-UBND ngày 13/6/2012 *về thực hiện Chiến lược quốc gia ATTP giai đoạn 2012 - 2020 và tầm nhìn 2030*; Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 28/7/2014 *về việc theo dõi tình hình thi hành pháp luật về an toàn thực phẩm theo chuỗi rau, củ, quả và chè trên địa bàn tỉnh*; Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 01/4/2015 *về hành động năm vệ sinh an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh*; Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 13/11/2015 *về thực hiện đợt cao điểm năm vệ sinh an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh*; Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 06/ 4/2016 *về hành động năm cao điểm vệ sinh an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh*; Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 05/8/2016 *về thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 09/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh*; các Kế hoạch triển khai "tháng hành động vì chất lượng vệ sinh ATTP" và triển khai bảo đảm an toàn thực phẩm trong dịp Tết Trung thu, Tết Nguyên đán, thanh tra kiểm tra an toàn thực phẩm hàng năm,...làm căn cứ cho hoạt động quản lý chất lượng VSATTP của tỉnh.

Bên cạnh đó, để tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan chức năng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo vệ sinh an toàn thực phẩm và được kiện toàn tại Quyết định số 800/QĐ-UBND ngày 09/6/2016. Các ban chỉ đạo ATTP cũng được thành lập ở Ủy ban

nhân dân các cấp. Do vậy đã tạo sự chuyển biến rõ rệt trong hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước và nhận thức của xã hội về bảo đảm ATTP.

3.2. Công tác quy hoạch sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo chiến lược, kế hoạch được ban hành

Trong giai đoạn 2011- 2016, thực hiện sự chỉ đạo của các bộ, ngành Trung ương và tình hình thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tổ chức lập các quy hoạch về quy hoạch sản xuất, kinh doanh thực phẩm trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, cụ thể:

Quyết định số 322/QĐ-UBND ngày 09/9/2013 *phê duyệt Quy hoạch phát triển thủy sản tỉnh Tuyên Quang đến năm 2015, định hướng đến năm 2020*; Quyết định số 240/QĐ-UBND ngày 14/6/2014 *phê duyệt Quy hoạch phát triển chăn nuôi tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020*; Quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 27/8/2014 *về việc phê duyệt Đề án Phát triển vùng sản xuất cam sành tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2014-2020*; Quyết định số 535/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 *phê duyệt Quy hoạch phát triển Trồng trọt tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030*; Quyết định số 208/QĐ-UBND ngày 14/7/2015 *phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Tuyên Quang theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2015-2020*; Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 15/9/2015 *phê duyệt quy hoạch phát triển vùng nguyên liệu mía đường đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.*

Công tác quy hoạch đã đáp ứng được yêu cầu đối với phát triển sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2011-2015 và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong những năm tiếp theo.

3.3. Tổ chức, kiện toàn hệ thống cơ quan quản lý ATTP, cơ quan chuyên môn về quản lý ATTP ở địa phương (tổ chức bộ máy, cơ chế hoạt động, nhân lực)

Cấp tỉnh: Sở Y tế, là cơ quan Thường trực Ban chỉ đạo có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện hoạt động của Ban chỉ đạo theo quy định của Nhà nước. Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm là đơn vị tham mưu giúp giám đốc Sở Y tế về quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh; hiện nay Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm có 13 biên chế *(12 công chức và 01 hợp đồng 68 làm nhiệm vụ lái xe)*.

Sở Công thương, công tác quản lý an toàn thực phẩm được giao cho phòng Quản lý Thương mại là cơ quan đầu mối chủ trì thực hiện (có 05 biên chế); tùy theo tính chất công việc, công tác quản lý an toàn thực phẩm của Sở Công thương còn được giao Chi cục Quản lý thị trường tham mưu thực hiện có 51 biên chế *(49 biên chế công chức, 02 biên chế hợp đồng theo Nghị định số 68)*.

Sở Nông nghiệp và PTNT, hiện có 04 Chi cục trực thuộc Sở có nhiệm vụ tham mưu trong công tác quản lý nhà nước về ATTP nông lâm thủy sản:

Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (39 Biên chế), Chi cục Chăn nuôi và Thú y (58 Biên chế),, Chi cục Thủy sản (08 Biên chế),, Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản (08 Biên chế),). Trong đó Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản là đơn vị đầu mối giúp Giám đốc Sở tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ATTP và tổ chức thực thi pháp luật về chất lượng ATTP trong suốt quá trình sản xuất, thu gom, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển, kinh doanh; chế biến, thương mại nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh.

Cấp huyện: Phòng Y tế, phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, phòng Kinh tế - Hạ tầng được giao nhiệm vụ thực hiện công tác quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn theo phân công, phân cấp.

Cấp xã: Ủy ban nhân dân cấp xã được giao quản lý an toàn thực phẩm đối với các cơ sở dịch vụ ăn uống, bếp ăn tập thể từ 50 suất ăn/lần phục vụ trở xuống, cơ sở thức ăn đường phố, giám sát các sự kiện theo thông tư 47/2014/TT-BYT của Bộ Y tế. ngành Y tế có trạm Y tế cấp xã chịu trách nhiệm triển khai các nhiệm vụ ATTP trên địa bàn, thực hiện tham mưu quản lý nhà nước và trực tiếp thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong truyền thông, giám sát, thống kê, báo cáo về ATTP; ngành Nông nghiệp chưa có cán bộ thực hiện nhiệm vụ về ATTP, nhân viên thú y cấp xã chủ yếu thực hiện quản lý chất lượng ATTP theo tính chất công việc hoặc yêu cầu nhiệm vụ của cơ quan cấp trên; ngành Công thương có Đội Quản lý thị trường thực hiện nhiệm vụ kiểm tra về ATTP.

3.4. Điều kiện bảo đảm cho công tác quản lý nhà nước về ATTP (trang thiết bị, điều kiện làm việc)

Được sự quan tâm của các cơ quan Trung ương, sự quan tâm của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh, các sở, ngành liên quan, các cơ quan đơn vị làm công tác ATTP cơ bản đã có cơ sở vật chất, điều kiện trang thiết bị, điều kiện làm việc đáp ứng được yêu cầu.

Cấp huyện/xã: Do tỉnh Tuyên Quang là tỉnh khó khăn nên kinh phí mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác quản lý ATTP (dụng cụ lấy mẫu, thiết bị kiểm tra nhanh tại hiện trường, máy vi tính, máy photo, ...) cho các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện như phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, phòng Kinh tế- Hạ tầng/phòng Kinh tế, phòng Y tế và Ủy ban nhân dân cấp xã còn hạn chế.

3.5. Tổ chức và hoạt động của các cơ quan, tổ chức kiểm định, giám định thực phẩm; cơ quan, tổ chức nghiên cứu phục vụ cho công tác dự báo, cảnh báo và kiểm soát các nguy cơ gây ô nhiễm thực phẩm, ngộ độc thực phẩm, bệnh truyền qua thực phẩm phục vụ cho quản lý nhà nước

Trên địa bàn tỉnh hiện nay có 02 đơn vị hoạt động kiểm định thực phẩm: Trung tâm kiểm nghiệm và Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh trực thuộc Sở Y tế; các đơn vị này có trách nhiệm và đủ năng lực làm các kiểm nghiệm

về hóa lý, vi sinh vật phục cho công tác kiểm tra, giám sát đánh giá nguy cơ mất an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh và đã đạt chuẩn ISO/IEC 17025:2005, nhưng đến nay, chưa đơn vị nào làm hồ sơ thủ tục để được chỉ định làm kiểm nghiệm phục vụ công tác quản lý nhà nước về ATTP trên địa bàn tỉnh.

Tuy nhiên, các trang thiết bị này chỉ phân tích được một số chỉ tiêu về hóa, lý và vi sinh mà chưa đáp ứng được đầy đủ các chỉ tiêu theo yêu cầu công bố chất lượng và kiểm tra chất lượng sản phẩm sau công bố. Điều này rất khó khăn để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra đánh giá và giải quyết vi phạm về chất lượng sản phẩm.

Lực lượng làm công tác kiểm nghiệm tuy đã được đào tạo nhưng chỉ mới đáp ứng được một phần khả năng phân tích nhất là đối với những chỉ tiêu phức tạp, đòi hỏi tính chính xác cao, giới hạn phát hiện thấp thì các kiểm nghiệm viên chưa được đào tạo.

3.6. Công tác phối hợp liên ngành về ATTP

Ban chỉ đạo An toàn thực phẩm đã được thành lập từ tỉnh đến cơ sở và thường xuyên kiện toàn, có quy chế hoạt động và giao nhiệm vụ cụ thể cho các ngành thành viên. Trưởng Ban chỉ đạo là Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp.

Các cơ quan, đơn vị theo chức năng nhiệm vụ được giao, lĩnh vực được phân công quản lý đã chủ động và phối hợp thực hiện công tác bảo đảm ATTP trên địa bàn tỉnh như: Tổ chức các đợt thanh tra, kiểm tra về công tác ATTP, tổ chức các đợt cao điểm về ATTP như dịp Tết Nguyên đán, Tháng hành động vì ATTP,...và chia sẻ thông tin trong công tác quản lý ATTP, giải quyết các sự cố, vụ việc liên quan đến ATTP.

Ban Chỉ đạo An toàn thực phẩm, Ban Chỉ đạo 389 tỉnh Tuyên Quang hằng năm, ban hành kế hoạch triển khai công tác bảo đảm ATTP, chỉ đạo các ngành, các địa phương tăng cường triển khai thực hiện công tác bảo đảm ATTP trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định.

Các ngành đã có sự phối hợp hiệu quả trong quản lý và tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc chỉ đạo, quản lý và bảo đảm ATTP trên địa bàn tỉnh.

4. Đầu tư ngân sách cho công tác quản lý an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý

Trong 2011-2016, kinh phí đầu tư cho công tác quản lý ATTP là: 11.084 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 6.818 triệu đồng (chương trình mục tiêu quốc gia ATTP 6.700 triệu đồng).
- Ngân sách địa phương: 3.731 triệu tỷ đồng.
- Dự án VIE/035 hỗ trợ: 535 triệu đồng.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM TRONG SẢN XUẤT, KINH DOANH

1. Quản lý an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh, vận chuyển, bảo quản thực phẩm tươi sống

1.1. Trong sản xuất, kinh doanh, vận chuyển, bảo quản rau, củ, quả tươi và sơ chế

Tỉnh Tuyên Quang, những năm gần đây phát triển nhanh diện tích sản xuất chè, cam, rau, củ, quả các loại cụ thể: Chè 779,5 ha, Cam 35 ha, Rau củ quả các loại 3,7 ha; năng suất bình quân hàng năm của chè đạt 17,17 tấn/năm. Mặc dù nhu cầu về diện tích sản xuất rau, củ, quả lớn nhưng diện tích sản xuất rau an toàn tập trung còn hạn chế, chủ yếu là sản xuất manh mún, nhỏ lẻ; số lượng cơ sở sản xuất được chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm và cấp giấy chứng nhận VietGAP chưa nhiều. Hiện nay thành phố Tuyên Quang đang thí điểm vùng quy hoạch 3,7 ha sản xuất rau an toàn tại phường Ỷ La; Tân Hà.

Đã hình thành một số vùng sản xuất tập trung chủ lực của tỉnh, đảm bảo việc tuân thủ các điều kiện ATTP trong sản xuất, như: Mô hình cam sản xuất theo quy trình VietGAP; sản xuất, chế biến chè theo quy trình đảm bảo ATTP (Haccp; Rainforest...). Hàng năm tổ chức tuyên truyền các quy định của nhà nước về bảo đảm ATTP trong sản xuất, kinh doanh các mặt hàng thực phẩm nông lâm thủy sản từ khâu sản xuất ban đầu đến khi sản phẩm được đưa ra thị trường tiêu thụ tới các cơ sở; tổ chức kiểm tra, giám sát; tổ chức xác nhận kiến thức về ATTP, cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP cho các cơ sở đạt yêu cầu; kết nối thị trường tiêu thụ sản phẩm trong và ngoài tỉnh.

Phần lớn lượng rau, củ, quả sản xuất ra trên địa bàn tỉnh chưa qua chế biến mà được đưa trực tiếp ra thị trường tiêu thụ dưới nhiều hình thức: Người sản xuất tự mang đi bán tại các chợ nội địa, bán buôn và bán theo hợp đồng thoả thuận trước giữa người sản xuất và đơn vị thu mua; một số sản phẩm rau, quả an toàn được tiêu thụ tại hệ thống siêu thị trên địa bàn thành phố Tuyên Quang, tuy nhiên khối lượng tiêu thụ tại các hệ thống này chưa nhiều.

Số cơ sở sản xuất, bảo quản, sơ chế, chế biến thực phẩm quy mô công nghiệp tập trung áp dụng hệ thống đảm bảo chất lượng ATTP như GMP (thực hành sản xuất tốt), HACCP (phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn), ISO 9001, ISO 22000, có 06/15 cơ sở chiếm tỷ lệ 40% *(Công ty Cổ phần chè: Tân Trào, Sông Lô, Mỹ Lâm; Công ty TNHH Sữa cho tương lai, Trang trại bò sữa Tuyên Quang; Công ty CP Mía Đường Sơn Dương; Nhà máy Đường Tuyên Quang).*

Qua lấy mẫu đánh giá chất lượng hàng năm cho thấy tỷ lệ sản phẩm rau, củ quả bị nhiễm vi sinh vật gây bệnh, tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, kim loại nặng vẫn còn, đây là mối nguy gây mất an toàn thực phẩm, ảnh hưởng đến sức khỏe của người tiêu dùng. Trong 448 mẫu rau, củ, quả được lấy tại các cơ sở

trồng trọt, cơ sở kinh doanh để phân tích các chỉ tiêu về ATTP, có 05 mẫu có hàm lượng tồn dư hóa chất vượt ngưỡng cho phép chiếm tỷ lệ 1,12%.

1.2. Trong chăn nuôi, giết mổ, vận chuyển, bày bán gia súc, gia cầm

Hình thức chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán trong các hộ gia đình còn chiếm tỷ trọng lớn. Hoạt động vận chuyển, giết mổ gia súc, gia cầm, kinh doanh thịt gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh còn chưa đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống dịch bệnh và bảo vệ môi trường. Theo số liệu thống kê của các huyện, thành phố, hiện nay trên địa bàn tỉnh có trên 621 điểm giết mổ đang hoạt động. Hầu hết các cơ sở giết mổ nhỏ lẻ nằm trong khu dân cư, đều chưa đảm bảo vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường. Sản phẩm động vật sau giết mổ chủ yếu được tiêu thụ trên địa bàn tỉnh tại 94 chợ (các chợ này đều có sự giám sát của các cơ quan chuyên ngành).

Phương tiện vận chuyển gia súc, gia cầm và sản phẩm gia súc, gia cầm sau giết mổ rất đa dạng; qua kiểm tra, giám sát các phương tiện vận chuyển vẫn còn một số chưa được đảm bảo theo quy định *(vệ sinh an toàn thú y, an toàn thực phẩm).*

Tình trạng sử dụng tùy tiện thuốc thú y trong phòng trị bệnh dẫn đến tồn dư kháng sinh trong sản phẩm thịt gia súc, gia cầm; sử dụng chất cấm trong chăn nuôi chưa được kiểm soát triệt vẫn còn. Việc áp dụng các quy trình thực hành chăn nuôi an toàn ở một số địa phương còn hạn chế; một số trang trại chăn nuôi lợn thịt theo VietGAHP đã hình thành nhưng mới là mô hình, chưa được nhân rộng.

Giai đoạn 2011 - 2016, các cơ quan kiểm tra đã lấy 550 mẫu thịt và sản phẩm từ thịt, phủ tạng gia súc, gia cầm để phân tích các chỉ tiêu ATTP và chất cấm. Kết quả: có 03/550 mẫu nhiễm vi sinh vật vượt ngưỡng cho phép chiếm 8,1%.

1.3. Trong nuôi trồng, đánh bắt, khai thác, chế biến thủy sản và các sản phẩm thủy sản

Hoạt động nuôi trồng thủy sản của tỉnh đã phát triển nhanh về diện tích, sản lượng và giá trị sản xuất; đã tận dụng diện tích đất, mặt nước, các loại hình ao, hồ nhỏ, sông suối và các công trình hồ thủy lợi, thủy điện để phát triển mạnh nuôi trồng thủy sản. Hiện tại diện tích nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh có khoảng 11.423,0 ha (diện tích ao, hồ thủy lợi, ruộng trũng 2.976,5 ha; diện tích hồ thủy điện 8.446,5 ha). Bên cạnh đó đã hình thành các vùng nuôi cá lồng trên trên sông Lô, sông Gâm và hồ thủy điện Na Hang, Chiêm Hóa có 1.285 lồng cá. Tổng sản lượng nuôi trồng thủy sản toàn tỉnh đạt 6.095,3 tấn thủy sản các loại. Giá trị sản xuất nuôi trồng thủy sản là 202.2 tỷ đồng.

Trên địa bàn tỉnh hiện có 01 cơ sở sơ chế, chế biến thủy sản quy mô doanh nghiệp, còn lại là các cơ sở nhỏ lẻ, hộ gia đình chủ yếu tiêu thụ tại chỗ dưới dạng sản phẩm tươi, sống. Tiêu thụ sản phẩm, đối với sản phẩm thủy sản

truyền thống, chủ yếu cung cấp cho người dân địa phương 95% sản lượng thủy sản còn lại 5% tiêu thụ tại các tỉnh lân cận như Hà Giang, Yên Bái, Bắc Kạn; đối với sản phẩm thủy sản hàng hóa được tiêu thụ tại thị trường Hà nội thông qua hệ thống chợ đầu mối, siêu thị chiếm khoảng 80% còn 20% tiêu thụ tại các nhà hàng, chợ tỉnh Tuyên Quang.

Công tác quản lý chất lượng giống, thức ăn, thuốc thú y thủy sản, hóa chất cải tạo môi trường đã được quan tâm. Hàng năm ngành Nông nghiệp đã thường xuyên tổ chức tuyên truyền và phối hợp với các đơn vị trong và ngoài ngành kiểm tra, giám sát việc khai thác, vận chuyển, bày bán sản phẩm thủy sản tươi sống, việc sử dụng các loại thuốc, hóa chất, kháng sinh; các loại thức ăn dùng trong nuôi trồng thủy sản.

Công tác bảo đảm ATTP thủy sản tươi sống được chú trọng; sản phẩm đang dần được kiểm soát theo chuỗi, cụ thể: Đã tổ chức xác nhận sản phẩm an toàn cho 02 cơ sở được kiểm soát theo chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn và được Bộ Nông nghiệp và PTNT đưa vào danh sách 69 địa chỉ cung cấp thực phẩm sạch, được công bố trên toàn quốc.

Trong giai đoạn 2011 - 2016, các cơ quan chuyên môn đã thực hiện lấy 197 mẫu thuộc chương trình kiểm soát sản phẩm thủy sản để phân tích, kết quả phát hiện 03 mẫu nhiễm chỉ tiêu vi sinh (E.Coli) vượt ngưỡng cho phép, chiếm tỷ lệ 4%.

2. Quản lý ATTP trong xuất khẩu, nhập khẩu thực phẩm

Công tác quản lý an toàn thực phẩm xuất khẩu, nhậu khẩu thực phẩm chủ yếu do các cơ quan Trung ương thực hiện và yêu cầu của nước nhập khẩu. Trên địa bàn tỉnh các sản phẩm nông lâm sản xuất khẩu chính của tỉnh là chè các sản phẩm này xuất khẩu chủ yếu sang thị trường các nước Châu Âu và Mỹ, việc kiểm soát ATTP nông lâm thủy sản xuất khẩu được các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực hiện theo hợp đồng với đối tác tiêu thụ, có sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý chuyên ngành tại địa phương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Nhìn chung, sản phẩm thực phẩm nông lâm sản xuất khẩu của tỉnh cơ bản đáp ứng yêu cầu về chất lượng, ATTP và yêu cầu của thị trường nhập khẩu.

Việc thực phẩm nhập khẩu được thực hiện theo quy định của pháp luật về ATTP, kiểm dịch động, thực vật cũng như các quy định về thương mại, hải quan. Bên cạnh các hoạt động nhập khẩu được quản lý, kiểm tra chính thức (chính ngạch), vẫn còn một lượng không nhỏ sản phẩm thực phẩm như các loại trái cây, thịt gia súc, gia cầm thải loại, các loại phủ tạng, thực phẩm lưu thông trên địa bàn tỉnh chưa được kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm; phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm không có giấy xác nhận chất lượng nhập khẩu của cơ quan kiểm tra, là những sản phẩm có nguy cơ cao gây mất an toàn thực phẩm, gây ảnh hưởng cho việc đảm bảo sức khỏe người tiêu dùng.

3. Quản lý ATTP trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm

3.1. Việc cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP đối với cơ sở chế biến, kinh doanh thực phẩm; cấp Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy và Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định ATTP.

Tuyên Quang có 5.910 cơ sở sản xuất chế biến kinh doanh thực phẩm: trong đó thuộc lĩnh vực ngành y tế quản lý có 2.287 cơ sở; ngành Công thương, ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý 3.623 cơ sở

Trong giai đoạn 2011-2016, căn cứ theo chức năng nhiệm vụ được giao, phân cấp quản lý của các Bộ, ngành. Sở Y tế *(Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm)*, Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn *(Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản)* và Sở Công thương đã cấp được 961 giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP trong đó: ngành Y tế cấp 872 cơ sở; ngành Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn cấp 70 cơ sở; ngành Công thương cấp 19 cơ sở. Cấp Giấy tiếp nhận công bố hợp quy và công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm cho 51 sản phẩm thực phẩm được sản xuất trên địa bàn tỉnh. Đa số các cơ sở được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP và hồ sơ công bố chất lượng đều chấp hành đúng các quy định của pháp luật về đảm bảo ATTP. Nhiều cơ sở sản xuất, kinh doanh đã quan tâm đầu tư, nâng cấp, cải tạo nhà xưởng, trang thiết bị nhằm nâng cao năng lực trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và đáp ứng các điều kiện ATTP.

3.2. Việc quản lý ATTP đối với các cơ sở thuộc diện không phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP.

Theo quy định của Luật an toàn thực phẩm và Thông tư hướng dẫn của các Bộ, ngành liên quan, một số loại hình không phải cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP. Hàng năm theo lĩnh vực được phân công, phân cấp các đơn vị có liên quan đều triển khai các hoạt động xác nhận kiến thức ATTP, ký cam kết, khám sức khỏe định kỳ cho đối tượng có liên quan, đồng thời triển khai hoạt động kiểm tra định kỳ, đột xuất nhằm phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm theo quy định.

Theo số liệu thống kê đến tháng 10/2016, trên địa bàn toàn tỉnh có 5.179 cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ đã thực hiện ký cam kết sản xuất thực phẩm an toàn, trong đó: ngành Y tế 339 cơ sở, ngành Nông nghiệp và Phát triên nông thôn 2.390 cơ sở, ngành Công thương 2.450 cơ sở.

3.3. Đối với thực phẩm chế biến thủ công, làng nghề và thực phẩm chế biến công nghiệp

Trên địa bàn tỉnh không có làng nghề và thực phẩm chế biến công nghiệp, chỉ có một số sản phẩm thực phẩm được chế biến dạng thủ công như nem chua, giò, bánh gai, bún, sản phẩm dạng mắm,...theo lĩnh vực được phân công các ngành chức năng tổ chức phổ biến kiến thức ATTP, cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP, khám sức khỏe định cho đối tượng có liên

quan và đồng thời triển khai hoạt động kiểm tra định kỳ, đột xuất nhằm phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm theo quy định. Ngoài ra, tuyên truyền, hướng dẫn cho chủ cơ sở làm hồ sơ công bố chất lượng sản phẩm một số sản phẩm như bún, giò, nem chua... Hiện tại một số sản phẩm thực phẩm thủ công truyền thống đã xây dựng thương hiệu đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ.

3.4. Đối với thực phẩm chức năng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng

Thực phẩm chức năng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng theo quy định của Luật ATTP và Nghị định số 38/2012/NĐ-CP của Chính phủ giao cho Bộ Y tế quản lý. Trên địa bàn tỉnh, các sản phẩm thực phẩm chức năng, vi chất dinh dưỡng chủ yếu được kinh doanh ở trong các nhà thuốc, quầy thuốc, hình thức đa cấp, số cơ sở chuyên sản xuất, kinh doanh không nhiều. Trên địa bàn toàn tỉnh có 01 cơ sở sản xuất và 05 cơ sở kinh doanh thực phẩm chức năng độc lập; 06 doanh nghiệp và 548 nhà thuốc, quầy thuốc tân dược có kinh doanh thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng *(có 385 cơ sở thuộc diện không phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP)*. Các cơ sở thực phẩm đã được đơn vị chức năng thống kê, quản lý và triển khai thanh tra, kiểm tra về ATTP theo quy định, trong đó chú trọng việc kiểm tra sản xuất, kinh doanh thực phẩm chức năng cùng với kiểm tra việc chấp hành quy định trong hành nghề y, dược để tránh sự chồng chéo và bảo đảm một cơ sở sẽ do một đơn vị quản lý, kiểm tra.

Thực hiện chỉ đạo của Trung ương, theo chức năng nhiệm vụ được giao, tình hình thực tế tại địa phương, trong giai đoạn 2011-2016, ngành Y tế đã triển khai công tác xác nhận kiến thức ATTP cho 134 người sản xuất, kinh doanh thực phẩm chức năng và đã cấp giấy xác nhận đăng ký tổ chức hội nghị, hội thảo giới thiệu thực phẩm cho 36 doanh nghiệp tổ chức trên địa bàn tỉnh.

3.5. Đối với rượu, bia, nước giải khát và sữa chế biến

Trên địa bàn tỉnh hiện có 03 công ty sản xuất sữa chế biến và nhiều cơ sở sản xuất rượu thủ công, trong đó có 09 cơ sở sản xuất rượu, 03 cơ sở sản xuất sữa được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP và hồ sơ công bố chất lượng sản phẩm. Việc quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh rượu trên địa bàn hiện nay còn khó khăn.

Qua kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh rượu, cho thấy vẫn còn một số cơ sở điều kiện sản xuất chưa đảm bảo vệ sinh, còn kinh doanh sản phẩm không rõ nguồn gốc, xuất xứ. Các cơ sở kinh doanh nước giải khát trên địa bàn tỉnh hầu hết là nhỏ lẻ, quy mô hộ gia đình, chưa đảm bảo điều kiện an toàn thực phẩm; đa số các cơ sở kinh doanh chưa quan tâm tới nguồn gốc, chất lượng, nhãn hiệu của sản phẩm, do đó còn tình trạng sản phẩm nước giải khát nhái nhãn hiệu, không đảm bảo chất lượng được kinh doanh trên thị trường.

3.6. Đối với các cơ sở chế biến, kinh doanh cơ sở dịch vụ ăn uống (cơ sở chế biến suất ăn sẵn; căng tin kinh doanh ăn uống; bếp ăn tập thể; bếp ăn, nhà hàng ăn uống của khách sạn, khu nghỉ dưỡng; nhà hàng ăn uống; cửa hàng ăn uống; cửa hàng, quầy hàng kinh doanh thức ăn ngay, thực phẩm chín); thức ăn đường phố

Trong những năm qua, ngành Y tế và Ủy ban nhân dân các cấp trong tỉnh đã tăng cường công tác quản lý ATTP như cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP, ký cam kết bảo đảm ATTP, xác nhận kiến thức ATTP cho các đối tượng có liên quan, toàn tỉnh đã cấp Giấy xác nhận kiến thức về ATTP cho 3.442 người trực tiếp tiếp xúc, sản xuất, kinh doanh, chế biến thực phẩm. Đến hết năm 2015, đã thực hiện ký cam kết bảo đảm ATTP bếp ăn tập thể cho 93/169 cơ sở đạt 55,3%; cơ sở thức ăn đường phố 285/421 cơ sở đạt 67,7%; cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống cho 872/2.267 cơ sở đạt 38,46%.

Công tác kiểm tra, giám sát đã được tăng cường nên điều kiện an toàn thực phẩm tại bếp ăn tập thể của các khu công nghiệp, trường học, bệnh viện, khách sạn, nhà hàng trên địa bàn tỉnh đã được cải thiện đáng kể. Các cơ sở đã quan tâm đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ, kiểm soát nguyên liệu thực phẩm đầu vào nên cơ bản đáp ứng các yêu cầu về điều kiện bảo đảm ATTP. Tuy nhiên, do hiện nay các bếp ăn tập thể trường học, nhà hàng, cửa hàng, khách sạn phân bố rộng khắp các địa bàn nên việc kiểm tra, giám sát tại các cơ sở vẫn chưa thể thực hiện một cách chủ động, thường xuyên và liên tục.

Thức ăn đường phố do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn quản lý, hiện nay đang là vấn đề cần quan tâm. Do phong tục tập quán của người dân và tạo công ăn việc làm nên thức ăn đường phố vẫn được bày bán nhiều nơi nhất là ở các khu đô thị, khu đông dân cư trên địa bàn tỉnh. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn hàng năm vào các đợt cao điểm như Tết Trung thu, Tháng hành động vì ATTP cũng đã tổ chức kiểm tra ATTP đối với loại hình này, nhưng hiệu quả chưa cao, chủ yếu nhắc nhở, không xử lý vi phạm.

Hiện nay nguy cơ sử dụng thực phẩm kém chất lượng, không rõ nguồn gốc, nguyên liệu thực phẩm ô nhiễm chất hóa học, vi sinh vật; sử dụng phụ gia thực phẩm không rõ nguồn gốc, quá hạn sử dụng, không có trong danh mục cho phép để chế biến thức ăn vẫn còn; một số cơ sở điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ chưa đảm bảo tiêu chuẩn về kỹ thuật, ATTP có thể gây ảnh hưởng đến sức khỏe của người tiêu dùng

3.7. Đối với các chợ, các siêu thị; các cơ sở vừa kinh doanh vừa sản xuất thực phẩm

Hệ thống siêu thị trên địa bàn tỉnh chưa phát triển nhiều (trên địa bàn tỉnh có 02 siêu thị, Trung tâm thương mại kinh doanh thực phẩm), nhìn chung nguồn nguyên liệu, sản phẩm thực phẩm cung cấp cho siêu thị đáp ứng yêu cầu về ATTP. Trên địa bàn tỉnh có 94 chợ , trong đó có 09 chợ kiên cố, 65 chợ

bán kiên cố và 18 chợ tạm, hiện nay, các chợ vẫn là kênh phân phối hàng ngày của người dân, nhưng chất lượng sản phẩm, nguy cơ mất an toàn thực phẩm còn nhiều bất cập. Chi cục Quản lý thị trường đã phối hợp chặt chẽ với các ngành chức năng tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về ATTP đối với các cơ sở chế biến, kinh doanh dịch vụ ăn uống, nhà hàng, khách sạn, bếp ăn tập thể, các chợ, siêu thị... và các cơ sở giết mổ, chế biến, kinh doanh, thực phẩm tươi sống; kiểm soát vận chuyển gia súc, gia cầm, phòng chống bệnh dịch ở gia súc, gia cầm, vệ sinh thú y...kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm đối với các trường hợp vi phạm.

Hầu hết các chợ đều bố trí khu vực ẩm thực bao gồm thực phẩm ăn ngay và ăn uống bình dân phục vụ chính cho thương nhân kinh doanh tại chợ. Nhiều quầy hàng thực phẩm chín không bảo đảm các tiêu chí về ATTP theo quy định.

Vấn đề vệ sinh môi trường ở các chợ cũng trong tình trạng báo động. Ở hầu hết các chợ, cơ sở vật chất nhiều chợ đã xuống cấp, nền chợ ẩm thấp, nước thải tù đọng, không bảo đảm vệ sinh môi trường. Tình trạng giết mổ gia cầm trong chợ vẫn còn, không có khu giết mổ riêng, hệ thống xử lý nước thải và chất thải không đạt yêu cầu, gây ô nhiễm môi trường.

3.8. Đối với chất phụ gia, chất hỗ trợ chế biến, chất bảo quản thực phẩm

Các cơ sở kinh doanh phụ gia, chất bảo quản, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm hiện nay thường kinh doanh lẫn cùng các sản phẩm khác; đây đều là những cơ sở nhỏ lẻ, đăng ký kinh doanh hộ gia đình, cá thể. Hàng năm, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm phối hợp cùng các ngành liên quan đã triển khai tốt công tác quản lý và duy trì công tác thanh tra, kiểm tra định kỳ đối với các cơ sở này. Qua công tác thanh, kiểm tra cho thấy tình trạng kinh doanh phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm không rõ nguồn gốc, chưa có hoặc không lưu hồ sơ công bố chất lượng ATTP vẫn còn, nhất là tại các quầy hàng tạp hóa trong chợ truyền thống. Các doanh nghiệp sản xuất thực phẩm quy mô lớn đã quan tâm sử dụng phụ gia thực phẩm, chất bảo quản, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm nằm trong danh mục cho phép, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng.

4. Việc kiểm soát các nguy cơ gây mất ATTP

Các ngành: Y tế, Công thương, Nông nghiệp theo lĩnh vực được phân công, luôn theo dõi, bám sát tình hình diễn biến sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn tỉnh và các yếu tố liên quan như khí hậu, dịch bệnh để triển khai các hoạt động kiểm tra, giám sát, lấy mẫu, chủ động phân tích các mối nguy về hóa học, vi sinh vật để có biện pháp khuyến cáo, can thiệp kiểm soát các nguy có gây mất ATTP cho cộng đồng.

Trong giai đoạn 2011-2016 các ngành chức năng đã lấy 30.565 mẫu thực phẩm để phân tích các chỉ tiêu ATTP và chất cấm. Trong đó: Ngành y tế đã kiểm nghiệm định kỳ 29.370 mẫu (tuyến tỉnh: 9,513 mẫu trong đó, hóa học

7.667 mẫu, tỷ lệ đạt chiếm 90,6%; vi sinh vật 1.846 mẫu, tỷ lệ đạt chiếm 97,9%; tuyến huyện: 19.857 mẫu kiểm nghiệm hóa học tỷ lệ đạt yêu cầu chiếm 92,1%). Ngành nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã kiểm nghiệm 1.195 mẫu thực phẩm nông lâm thủy sản, trong đó: Nông sản có nguồn gốc động vật 550 mẫu kiểm nghiệm 37 mẫu vi sinh có 03 mẫu không đạt chiếm tỷ lệ 8,1%; 513 mẫu hóa lý tỷ lệ đạt yêu cầu 100%. Nông sản có nguồn gốc thực vật 448 mẫu kiểm nghiệm hóa lý phát hiện 05 mẫu có tồn dư hóa chất vượt ngưỡng cho phép chiếm tỷ lệ 1,1%. Sản phẩm thủy sản lấy 197 mẫu kiểm nghiệm vi sinh 75 mẫu, phát hiện 03 mẫu không đạt chiếm tỷ lệ 4,0%; xét nghiệm tiêu hóa lý 122 mẫu tỷ lệ đạt yêu cầu 100%.

Từ kết quả triển khai giám sát mối nguy ô nhiễm thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm và nâng cao năng lực phòng kiểm nghiệm đã góp phần định hướng cho công tác chỉ đạo, quản lý cơ sở thực phẩm, phòng ngừa ngộ độc thực phẩm và các bệnh trên đàn vật nuôi, cây trồng, các dịch bệnh truyền qua thực phẩm ở người, đồng thời khuyến cáo, cảnh báo kịp thời cho người tiêu dùng thực phẩm để có biện pháp chủ động phòng ngừa.

Trong thời gian qua việc truy xuất nguồn gốc thực phẩm; thu hồi, xử lý thực phẩm không bảo đảm an toàn cũng được các cơ quan chức năng tiến hành thường xuyên theo quy định.

5. Kiểm nghiệm thực phẩm

Trên địa bàn tỉnh, hiện nay có 02 đơn vị hoạt động kiểm nghiệm, đã được đầu tư trang thiết bị và có khả năng phân tích được một số chỉ tiêu chất lượng ATTP đó là: Trung tâm Kiểm nghiệm, Trung tâm Y tế dự phòng trực thuộc Sở Y tế. Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo ngành y tế tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng phòng kiểm nghiệm ATTP của Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh và được Văn phòng công nhận chất lượng (BoA) Bộ Khoa học và Công nghệ đánh giá, cấp chứng chỉ công nhận phù hợp với tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005 vào năm 2015; phòng kiểm nghiệm thực phẩm đã cơ bản đáp ứng yêu cầu về kiểm soát chất lượng sản phẩm thực phẩm, bước đầu hình thành hệ thống cảnh báo nhanh và quản lý nguy cơ về ATTP.

Tỉnh Tuyên Quang đã chỉ đạo quyết liệt các đơn vị triển khai giám sát chủ động mối nguy ô nhiễm thực phẩm tại các tuyến; đối với tuyến huyện và xã tập trung giám sát, sàng lọc bằng các test xét nghiệm nhanh, khi nghi ngờ các mẫu thực phẩm không đạt tiêu chuẩn về ATTP tiến hành lấy mẫu và gửi về phòng xét nghiệm của Trung tâm y tế dự phòng tỉnh; Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh tiến hành lấy mẫu giám sát mối nguy ô nhiễm thực phẩm và kiểm nghiệm tại phòng xét nghiệm của TTYT dự phòng tỉnh đã được công nhận đạt chuẩn ISO/IEC 17025. Tuy nhiên cho đến hiện tại chưa đơn vị nào làm hồ sơ thủ tục để được chỉ định làm kiểm nghiệm phục vụ công tác quản lý nhà nước về ATTP trên địa bàn tỉnh. Cán bộ làm xét nghiệm tuy đã được đào tạo nhưng chỉ mới đáp ứng được một phần khả năng phân tích nhất là đối với những

chỉ tiêu phức tạp, đòi hỏi tính chính xác cao, giới hạn phát hiện thấp thì chưa được đào tạo.

6. Tình hình ngộ độc thực phẩm, các bệnh truyền qua thực phẩm, việc khắc phục các sự cố về ATTP

Giám sát ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm là một trong những mục tiêu xuyên suốt của công tác bảo đảm ATTP, giám sát phát hiện sớm, ngăm ngừa và xử lý có hiệu quả các vụ ngộ độc thực phẩm cấp tính hoặc nhiễm độc tích lũy do thức ăn bị ô nhiễm; giảm thiểu các ca mắc, ca tử vong do ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm. Trong 05 năm qua công tác giám sát, phòng chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm đã được nhất quán, triển khai từng bước bảo đảm phòng chống ngộ độc thực phẩm, bệnh truyền qua thực phẩm trên địa bàn tỉnh có hiệu quả. Hàng năm ngành y tế đã xây dựng kế hoạch giám sát mối nguy ô nhiễm thực phẩm, thực hiện lấy mẫu, phân tích tác nhân gây ô nhiễm thực phẩm, cảnh báo sớm cho cơ quan chức năng và cộng đồng.

Trong giai đoạn 2011 - 2016, toàn tỉnh xảy ra 44 vụ ngộ độc thực phẩm cấp tính, làm 364 người mắc, có 06 trường hợp tử vong (năm 2013: 01 ngộ độc thức ăn tại nhà, năm 2014: 02 ngộ độc Nấm, 02 ngộ độc Rượu, 01 ngộ độc Lá ngón); các vụ ngộ độc thực phẩm xảy ra đã được ngành y tế phối hợp với chính quyền, các lực lượng chức năng can thiệp kịp thời; tỷ lệ mắc trong các vụ ngộ độc trung bình là 4,9/100.000 dân; trong đó có 02 vụ ngộ độc thực phẩm xảy ra có số người mắc trên 30 người.

Tình hình ngộ độc thực phẩm cơ bản đã được kiểm soát có xu hướng giảm dần theo từng năm; số vụ, số người mắc có giảm. Tuy nhiên, hiện nay trên địa bàn tỉnh với sự phát triển nhiều bếp ăn tập thể, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, nên việc giám sát ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm ngày càng diễn biến phức tạp khó kiểm soát đã và đang vấn đề quan tâm.

7. Công tác thông tin, giáo dục truyền thông, phổ biến chính sách pháp luật về ATTP

Công tác tuyên truyền kiến thức, pháp luật về ATTP luôn được các cấp, các ngành quan tâm triển khai và coi đây là giải pháp quan trọng để góp phần tích cực trong việc cải thiện tình trạng bảo đảm ATTP. Hằng năm, việc triển khai công tác truyền thông về ATTP đã chú trọng thực hiện về nội dung, hình thức để phù hợp với tình hình mới; ngành y tế phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng, các tổ chức chính trị - xã hội triển khai tuyên truyền thường xuyên trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Đài Truyền thanh - Truyền hình cấp huyện; Báo Tuyên Quang; Đài truyền thanh cơ sở và phát huy ưu điểm của hệ thống loa, đài ở các thôn, bản; ngoài ra công tác tuyên truyền, hướng dẫn thực hành bảo đảm ATTP thông qua các hình thức như hội thảo, hội thi, hội nghị, nói chuyện chuyên đề; sinh hoạt câu lạc bộ, đoàn thể và các buổi họp dân,. .. Thông qua các kênh truyền thông, đã chuyển tải đến các nhà

lãnh đạo quản lý; người sản xuất, chế biến, kinh doanh và tiêu dùng thực phẩm, nhân dân trên địa bàn tỉnh Luật ATTP, các Nghị định, Thông tư hướng dẫn của các Bộ: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương về bảo đảm ATTP; đã tập trung tuyên truyền để người tiêu dùng hiểu rõ quyền lợi và nghĩa vụ mình về bảo đảm ATTP, đặc biệt là quyền khiếu nại, trách nhiệm khai báo, tố giác các hành vi vi phạm ATTP của các tổ chức, cá nhân trong hoạt động sản xuất, kinh doanh thực phẩm; hướng dẫn kiến thức lựa chọn, bảo quản, chế biến thực phẩm an toàn; người tiêu dùng có thói quen từ chối các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm không đảm bảo ATTP, không tiêu thụ những sản phẩm thực phẩm không rõ nguồn gốc hoặc có dấu hiệu ôi thiu, mốc, hỏng; phổ biến nội dung "10 nguyên tắc vàng chế biến thực phẩm an toàn"; "5 chìa khóa vàng để có thực phẩm an toàn". Vận động nhân dân thay đổi phong tục, tập quán ăn uống mất vệ sinh; hướng dẫn thực hành "ATTP bếp ăn tập thể" trong cơ quan, trường học, doanh nghiệp và tổ chức "Bữa ăn an toàn" tại gia đình; phổ biến biện pháp phòng ngừa, khai báo khi mắc ngộ độc thực phẩm, các bệnh truyền qua thực phẩm ở người. Chỉ rõ những vấn đề tồn đọng, các vấn đề bức xúc đối với công tác bảo đảm ATTP; nêu rõ trách nhiệm của các cấp chính quyền, các ban ngành, đoàn thể và từng tập thể, cá nhân trong quản lý ATTP, hoạt động sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng thực phẩm; kịp thời biểu dương các tổ chức, cá nhân tích cực tham gia hoạt động bảo đảm ATTP, đồng thời phê phán, công khai trên phương tiện thông tin đại chúng những đơn vị, cá nhân vi phạm pháp luật về ATTP.

Các ngành đã phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức triển khai công tác truyền thông, giáo dục kiến thức, pháp luật về ATTP. Trung bình mỗi năm, toàn tỉnh tổ chức 149 lễ/hội nghị phát động Tháng hành động vì ATTP, huy động trên 10.000 lượt người tham dự; phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh xây dựng 97 lượt chuyên mục; Báo Tuyên Quang 85 lượt chuyên trang; tổ chức 113 hội nghị, hội thảo, tập huấn với 7.353 người tham gia; tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng của huyện, xã được 16.223 lượt; tuyên truyền trực tiếp tại thôn bản, tổ dân phố cho 374.943 lượt người ; sử dụng 21.100 sản phẩm tuyên truyền các loại(tờ gấp, tờ rơi, áp phích, tạp chí....) Ngoài ra, triển khai tuyên truyền, phổ biến kiến thức thông qua bản tin y tế của ngành...

Tuy nhiên, kiến thức và thực hành đúng về ATTP trong một bộ phận nhân dân vẫn còn nhiều hạn chế; nhất là người nông dân, việc tiếp cận thông tin về bảo đảm ATTP trong sản xuất nông, lâm, thủy sản, sử dụng hóa chất bảo vệ thực vật, thuốc kháng sinh, thuốc thú y trong chăn nuôi, trồng trọt và quá trình thu hoạch, bảo quản thực phẩm, vệ sinh thú y... còn hạn chế. Ngoài ra, một bộ phận người sản xuất, kinh doanh vì lợi nhuận kinh tế đã bất chấp thủ đoạn, sử dụng chất cấm, hoá chất độc hại trong sản xuất, chăn nuôi, chế biến thực phẩm; tình hình kiểm soát thực phẩm nhập lậu, không bảo đảm chất

lượng an toàn, không rõ nguồn gốc, xuất xứ còn gặp nhiều khó khăn... Đây là những nguy cơ tiềm ẩn gây nên tình trạng mất ATTP, tiềm ẩn nguy cơ ngộ độc cấp tính, mạn tính, ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân và sự phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

8. Quản lý hoạt động thông tin, quảng cáo thực phẩm

Hoạt động thông tin, quảng cáo thực phẩm cũng đã được Ủy ban nhân dân tỉnh, các ngành, đoàn thể quan tâm chỉ đạo.

Các ngành đã phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát việc các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thông tin, quản cáo các mặt hàng thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý. Nhiều cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thực hiện tốt các quy định về an toàn thực phẩm cũng được biểu dương, đưa tin trên các phương tiện thông tin như báo, đài phát thanh truyền hình tỉnh, qua hệ thống loa phát thanh để người dân biết và lựa chọn. Thực hiện các thông tư hướng dẫn của Bộ Y tế, Bộ Công thương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quảng cáo thực phẩm, trong thời gian qua đã xác nhận nội dung quảng cáo cho 36 cơ sở thực phẩm quảng cáo qua hình thức hội thảo, hội nghị chủ yếu thực phẩm chức năng, tăng cường vi chất dinh dưỡng... Các cơ quan chức năng thường xuyên giám sát các hội thảo, hội nghị giới thiệu sản phẩm thực phẩm, kịp thời xử lý theo đúng quy định khi có nội dung hoạt động không đúng với nội dung cấp phép.

Thực hiện thường xuyên việc theo dõi quảng cáo trên báo in, báo điện tử, Đài truyền hình, phát hiện các nội dung quảng cáo vi phạm, nhắc nhở, chấn chỉnh các phương tiện điều chỉnh kịp thời. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

9. Việc kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm pháp luật về ATTP

Công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm về ATTP trên địa bàn tỉnh luôn được Ủy ban nhân dân tỉnh, các ngành, các cấp quan tâm và chỉ đạo thực hiện, triển khai quyết liệt và kịp thời, công tác phối hợp liên ngành đã được triển khai thực hiện có hiệu quả, trong các đợt cao điểm Tết nguyên đán, Tết Trung thu, Tháng hành động vì ATTP và giải quyết các sự cố ATTP đạt hiệu quả cao, coi đây là một trong những biện pháp tích cực để hạn chế việc sản xuất kinh doanh thực phẩm giả, kém chất lượng được sản xuất và lưu thông trên địa bàn tỉnh. Hằng năm vào các đợt cao điểm về vệ sinh an toàn thực phẩm, Ban chỉ đạo an toàn thực phẩm tỉnh thành lập các Đoàn kiểm tra liên ngành để kiểm tra công tác an toàn thực phẩm trên địa bàn toàn tỉnh.

Kết quả: từ năm 2011 – 2016 Ngành y tế đã kiểm tra được 84.010 lượt cơ sở, phát hiện 4.535 lượt cơ sở vi phạm chiếm 13,8%; xử lý cảnh cáo 1.984 cơ sở, nhắc nhở 2.149 cơ sở, phạt tiền 400 cơ sở với số tiền phạt là 436.250.000 đồng, 595 cơ sở có sản phẩm bị tiêu hủy.

Ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn: kiểm tra 8.507 lượt cơ sở trong đó có 602 lượt cơ sở vi phạm, xử lý cảnh cáo 535 lượt cơ sở, chiếm 6,3%; phạt tiền là 67 lượt cơ sở, chiếm 0,8%; Tổng số tiền phạt là 141.800.000 đồng. Ngoài ra ngành đã kiểm tra, đánh giá phân loại theo Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT là 402 lượt cơ sở, Trong đó: 51 lượt cơ sở đạt loại A, chiếm tỷ lệ 12,7%; 349 lượt cơ sở đạt loại B, chiếm tỷ lệ 86,8%; 02 cơ sở đạt loại C, chiếm tỷ lệ 0,5%; Số cơ sở xếp loại C sau khi tái kiểm tra được xếp loại B là 02 cơ sở, đạt tỷ lệ 100%.

Ngành Công thương đã kiểm tra xử lý vi phạm hành chính về kiểm dịch động vật, vệ sinh thú y đối với động vật, sản phẩm động vật; an toàn vệ sinh thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh mặt hàng thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Công thương 832 vụ. Tổng số tiền phạt thu nộp ngân sách Nhà nước 1.337.696.000 đồng; tổng trị giá hàng hóa tịch thu tiêu hủy 379.863.000 đồng.

Qua công tác thanh tra, kiểm tra cho thấy công tác quản lý về an toàn thực phẩm được tăng cường và đã mang lại hiệu quả rõ rệt, góp phần làm thay đổi nhận thức, hành vi của người sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng thực phẩm. Nhìn chung, các Nghị định quy định xử lý vi phạm về ATTP của Chính phủ, các Thông tư quy định hướng dẫn của các bộ, ngành về ATTP đã đầy đủ, chi tiết và thuận lợi cho công tác quản lý, thanh tran, kiểm tra. Tuy nhiên vẫn còn một số nội dung trong Nghị định của Chính phủ, Thông tư của các Bộ còn bất cập nên khó khăn cho việc xử lý vi phạm.

III. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM GIAI ĐOẠN 2011-2016

1. Những kết quả đạt được

Trong giai đoạn 2011- 2016, được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, sự cố gắng của các cấp, các ngành chức năng, công tác bảo đảm ATTP trên địa bàn tỉnh đã đạt được những kết quả bước đầu quan trọng đó là:

Các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo điều hành của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân đồng bộ, đầy đủ, giúp cho công tác quản lý ATTP hiệu quả hơn; kiện toàn Ban chỉ đạo ATTP các cấp do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp làm Trưởng ban. Bộ máy tổ chức, cán bộ làm công tác an toàn thực phẩm từ tỉnh đến cơ sở được củng cố qua các năm; công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ được quan tâm thực hiện. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác an toàn thực phẩm được cấp uỷ, chính quyền và các ngành chức năng quan tâm đầu tư, đã xây dựng phòng kiểm nghiệm an toàn thực phẩm và bước đầu đã hình thành thành hệ thống cảnh báo nhanh và quản lý nguy cơ về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

Công tác thông tin truyền thông, phổ biến kiến thức pháp luật về ATTP được các cấp, các ngành quan tâm và đẩy mạnh với nhiều hình thức phong phú, truyền thông đến nhiều đối tượng khác nhau, góp phần làm chuyển biến nhận thức đối với các đơn vị quản lý, sản xuất, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống và người tiêu dùng thực phẩm.

Công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm về ATTP trên địa bàn tỉnh luôn được các ngành, các cấp quan tâm và chỉ đạo thực hiện, triển khai quyết liệt và kịp thời. Công tác phối hợp liên ngành trong tổ chức quản lý, hướng dẫn, kiểm tra về ATTP từng bước được tăng cường, cải thiện; có sự chuyển biến rõ rệt trong xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về ATTP tại tuyến tỉnh, huyện do đó đã hạn chế việc sản xuất kinh doanh thực phẩm giả, kém chất lượng được sản xuất và lưu thông trên địa bàn tỉnh.

Công tác quy hoạch và các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất và kinh doanh các nhóm nông sản nguồn gốc động vật đã từng bước chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung; chăn nuôi đã sử dụng thức ăn công nghiệp và bán công nghiệp, sử dụng các giống lai, giống ngoại, các giống siêu thịt, siêu trứng đảm bảo chất lượng. Đã có nhiều mô hình chăn nuôi tập trung theo hướng sản xuất hàng hóa có quy mô lớn.

Công tác phòng, chống ngộ độc thực phẩm nói chung và bệnh truyền nhiễm qua thực phẩm nói riêng đã được triển khai thường xuyên và lồng ghép qua hệ thống giám sát dịch bệnh của ngành y tế từ tỉnh đến thôn, bản. Qua đó giúp cho việc phát hiện sớm, ngăn ngừa và xử lý có hiệu quả các vụ ngộ độc thực phẩm cấp tính hoặc nhiễm độc tích lũy do thức ăn bị ô nhiễm; giảm thiểu các ca mắc, ca tử vong do ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm. duy trì chế độ báo cáo nhanh kết quả giám sát các ca ngộ độc thực phẩm.

2. Tồn tại, hạn chế

Nguồn lực đầu tư cho công tác đảm bảo ATTP còn thấp, chưa đáp ứng được công tác dự báo, cảnh báo và kiểm soát các nguy cơ ô nhiễm thực phẩm, ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm.

Ý thức chấp hành pháp luật về an toàn thực phẩm của một bộ phận người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm chưa cao; kiến thức của người tiêu dùng đối với công tác ATTP còn hạn chế.

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị dụng cụ các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản có quy mô nhỏ, lẻ, mùa vụ vẫn chưa đảm bảo theo quy định, địa bàn quản lý rộng dẫn đến khó khăn trong quản lý; cán bộ làm công tác ATTP vẫn còn thiếu về số lượng, yếu về chuyên môn nghiệp vụ chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế.

Việc kinh doanh, sử dụng phụ gia thực phẩm trong chế biến thực phẩm, kinh doanh, sử dụng hóa chất bảo vệ thực vật, chất kích thích tăng trưởng phân bón kém chất lượng, không có trong danh mục được phép sử dụng có diễn biến phức tạp, gây khó khăn cho công tác quản lý.

Tình trạng kinh doanh, vận chuyển động vật, sản phẩm động vật không đảm bảo vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm, hành giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng vẫn còn trên thị trường và khó kiểm soát.

3. Nguyên nhân

Nhận thức, trách nhiệm của một số cấp ủy, chính quyền cơ sở về ATTP chưa đầy đủ, sự chỉ đạo thiếu tính chủ động và kiên quyết, việc triển khai còn mang tính thụ động, chưa sát với tình hình thực tế của địa phương.

Kinh phí đầu tư cho công tác quản lý an toàn thực phẩm còn thấp, cơ sở vật chất và trang thiết bị kiểm nghiệm còn thiếu và lạc hậu; nhân lực trực tiếp làm công tác an toàn thực phẩm của các đơn vị quản lý và tham gia quản lý nhà nước đối với "Chuỗi cung cấp thực phẩm" ở các cấp còn thiếu về số lượng và hạn chế về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đa số là kiêm nhiệm, trong khi cơ sở sản xuất, kinh doanh có quy mô thủ công, nhỏ lẻ, hộ gia đình nhiều, do đó khó quản lý và kiểm soát chặt chẽ, đặc biệt là sản xuất, chế biến sản phẩm nông, lâm, thuỷ sản.

Trình độ dân trí, mức thu nhập của một bộ phận người dân còn thấp nên còn tình trạng người tiêu dùng mua, sử dụng thực phẩm giá rẻ, không bảo đảm an toàn. Một bộ phận người sản xuất, kinh doanh còn chạy theo lợi nhuận, vi phạm quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm.

Phần II
NHỮNG THÁCH THỨC ĐẶT RA ĐỐI VỚI CÔNG TÁC QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM TRONG TÌNH HÌNH MỚI CỦA TỈNH

I. THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN TRONG QUẢN LÝ ATTP HIỆN NAY

1. Thuận lợi

Được sự quan tâm và chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, nhận thức và ý thức trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về an toàn thực phẩm từng bước được nâng lên. Đã thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm các cấp.

Công tác phối hợp liên ngành trong tổ chức quản lý, hướng dẫn, kiểm tra về an toàn thực phẩm từng bước được tăng cường, cải thiện; có sự chuyển biến rõ nét trong xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm tại tuyến tỉnh và tuyến huyện.

Bộ máy tổ chức, cán bộ làm công tác an toàn thực phẩm từ tỉnh đến cơ sở được củng cố qua các năm; công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ được quan tâm thực hiện. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác an toàn thực phẩm được cấp uỷ, chính quyền và các

ngành chức năng quan tâm đầu tư, đã xây dựng phòng kiểm nghiệm an toàn thực phẩm và bước đầu đã hình thành thành hệ thống cảnh báo nhanh và quản lý nguy cơ về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

2. Khó khăn

Việc tồn dư hóa chất bảo vệ thực vật và vi sinh vật trên nông sản thực phẩm là nguyên liệu chế biến thực phẩm còn chiếm tỷ lệ cao, tiềm ẩn nguy cơ mất ATTP.

Tình hình buôn lậu thực phẩm qua biên giới và hoạt động sản xuất, kinh doanh thực phẩm kém chất lượng còn diễn biến phức tạp.

Điều kiện vệ sinh tại các cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm và kinh doanh dịch vụ ăn uống chưa đạt đủ tiêu chí theo quy định, nhất là các cơ sở thực phẩm nhỏ lẻ, sản xuất thủ công còn chiếm tỷ lệ đa số; việc phát triển kinh doanh thức ăn đường phố ngoài giờ hành chính tại khác khu đô thị, thị tứ trên địa bàn đã và đang làm ảnh hưởng đến mỹ quan đô thị, an toàn giao thông và ATTP.

Việc kinh doanh, sử dụng phụ gia trong chế biến thực phẩm còn diễn biến phức tạp, khó khăn trong tổ chức quản lý và kiểm soát.

Còn hiện hữu những nguy cơ mất ATTP tại bếp ăn tập thể của doanh nghiệp, trường học và tại các tiệc cỗ (đám hiếu, hỷ, lễ hội...) do hộ gia đình tổ chức.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU ĐỐI VỚI CÔNG TÁC AN TOÀN THỰC PHẨM TRONG TÌNH HÌNH MỚI

1. Mục đích

Tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về ATTP. Xác định trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo công tác ATTP là của các cấp chính quyền và đội ngũ công chức từ tỉnh đến cơ sở. Thực hiện công tác quản lý nhà nước về ATTP tại các cấp, các ngành nhằm triển khai có hiệu quả việc kiểm soát ATTP trong toàn bộ chuỗi cung cấp thực phẩm, góp phần bảo vệ sức khỏe, quyền lợi người tiêu dùng, đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế.

Củng cố, hoàn thiện hệ thống quản lý nhà nước về ATTP từ tỉnh đến xã, phường bảo đảm đủ năng lực quản lý, phù hợp với tình hình thực tế của từng ngành, từng địa phương.

2. Yêu cầu

Xác định rõ nhiệm vụ của từng ngành, từng địa phương, đơn vị đối với công tác bảo đảm ATTP; huy động nhiều nguồn lực tham gia vào hoạt động quản lý, kiểm soát "chuỗi cung cấp thực phẩm". Phân công rõ trách nhiệm của người đứng đầu các ngành, các địa phương trong thực hiện quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện trách nhiệm được giao.

Triển khai giám sát mối nguy ô nhiễm đối với các nhóm sản phẩm thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của từng ngành, từng cấp; kịp thời phát hiện, ngăn chặn, phòng ngừa sự cố về ATTP.

Tăng cường phối hợp giữa các ngành, các địa phương trong công tác quản lý về an toàn thực phẩm. Thành lập đường dây nóng của các ngành: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương và công khai trên các phương tiện thông tin và cổng thông tin điện tử theo đúng quy định. Xây dựng các chuyên mục, chuyên trang về ATTP trên Báo Tuyên Quang, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh.

PHẦN III
GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ

1. Giải pháp

- Tăng cường lãnh đạo của Đảng và chính quyền các cấp đối với công tác bảo đảm an toàn thực phẩm. Phát huy vai trò của Ban chỉ đạo liên ngành an toàn thực phẩm, tổ chức tốt các hoạt động phối hợp liên ngành.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền và đào tạo, tập huấn, nâng cao nhận thức cho cán bộ, người sản xuất, chế biến, kinh doanh và nhân dân về ATTP. Các cấp ủy đảng, chính quyền, cơ quan ban ngành phải tăng cường tuyên truyền, phổ biến, quán triệt đến cán bộ, đảng viên về vai trò, trách nhiệm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện đảm bảo ATTP.

-Tập trung xây dựng và phát triển các mô hình sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm an toàn và mô hình xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí ATTP.Xây dựng và phát triển các chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn được xác nhận cho các sản phẩm chủ lực của tỉnh. Đẩy nhanh việc xây dựng và phát triển các mô hình chợ, siêu thị, cửa hàng kinh doanh thực phẩm an toàn ở các huyện, thành phố. Xây dựng, phát triển các mô hình kiểm soát ATTP tại các bếp ăn tập thể và mô hình xã, phường, thị trấn, thôn, bản đạt tiêu chí ATTP.

- Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị cho phòng xét nghiệm của Trung tâm y tế dự phòng tỉnh đủ năng lực kiểm nghiệm về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường thanh tra, kiểm soát chặt chẽ việc sản xuất, kinh doanh hóa chất bảo vệ thực vật, bảo đảm sử dụng đúng chất lượng, chủng loại, liều lượng, thời gian cách ly của các loại vật tư nông nghiệp trong trồng trọt, chăn nuôi, bảo quản chế biến nông sản thực phẩm.

- Ngăn chặn việc kinh doanh hàng thực phẩm giả, kém chất lượng, quá hạn sử dụng, vi phạm quy định ghi nhãn hàng hóa, có nguồn gốc nhập lậu và gian lận thương mại, hàng thực phẩm vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm.

- Kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện các quy định pháp luật về an toàn thực phẩm, đặc biệt là quy định về điều kiện an toàn thực phẩm của các cơ sở

bếp ăn tập thể, nhà hàng, khách sạn, khu du lịch lễ hội, thức ăn đường phố, chợ, trường học và các khu công nghiệp.

- Đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cấp ủy đảng, chính quyền, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, các đơn vị được giao nhiệm vụ trong công tác đảm bảo ATTP.

2. Kiến nghị

2.1. Đối với Quốc hội và Chính phủ

- Tăng nguồn lực cho công tác đảm bảo ATTP theo tỷ lệ tăng trưởng của kinh tế xã hội để đáp ứng yêu cầu thực tế.

- Có chính sách hỗ trợ cho sản xuất thực phẩm trong nước, đặc biệt là hỗ trợ về cây, con giống, hoá chất bảo vệ thực vật và đầu ra cho sản phẩm.

2.2. Đối với các bộ, ngành

- Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hỗ trợ nguồn kinh phí để phát triển mô hình chuỗi cung ứng thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn; kinh phí giám sát an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản tại địa phương. Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, các trang thiết bị phục vụ cho công tác quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản nói chung.

- Đề nghị Bộ Tài chính sớm bổ sung hướng dẫn mức thu phí, lệ phí tổ chức xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm cho người sản xuất, kinh doanh thực phẩm vào Thông tư số 149/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Trên đây là báo cáo thực hiện chính sách, pháp luật về an toàn thực phẩm giai đoạn 2011-2016, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:
-Văn phòng Quốc hội;
- Các bộ: Y tế; NN&PTNT; Công Thương; (B/cáo)
- Đoàn Đại biểu quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó UBND tỉnh;
- Thành viên BCĐ ATTP tỉnh;
- Các sở: Y tế; NN&PTNT; Công thương;
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- Phòng TH, KT, KGVX;
- Lưu: VT, VX (Hà).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

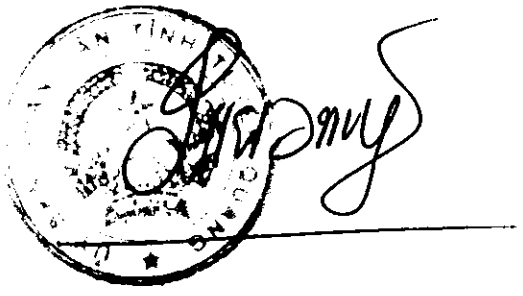

Lê Thị Kim Dung

BẢNG 01: TÌNH HÌNH BAN HÀNH VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM TẠI TỈNH

Loại văn bản	Số hiệu/ tên văn bản/ thời gian ban hành	Nội dung chồng chéo, mâu thuẫn/ nội dung không còn phù hợp	Nội dung còn thiếu cần bổ sung	Kiến nghị
Nghị quyết của HĐND tỉnh	Nghị quyết số 10/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang			
	Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hóa đối với một số cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang			
	Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 13/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách khuyến khích phát triển Hợp tác xã nông, lâm nghiệp, thủy sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	-	-	-
Quyết định của UBND tỉnh	Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND ngày 17/7/2015 về việc Ban hành Quy định về hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn	-	-	-
	Quyết định số 01/2013/QĐ-UBND ngày 05/01/2013 quyết định ban hành quy chế quản lý khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản ở các vùng nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	-	-	-

BẢNG 02: BAN HÀNH CÁC QUY CHUẨN KỸ THUẬT TẠI ĐỊA PHƯƠNG

STT	Số ký hiệu Văn bản, trích yếu nội dung	Ngày ban hành	Các quy chuẩn kỹ thuật địa phương đã ban hành kèm theo Văn bản	Rà soát QCKT còn thiếu cần được xây dựng, ban hành bổ sung	Ghi chú
	Trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang chưa ban hành quy chuẩn địa phương				

BẢNG 03: TỔ CHỨC CƠ QUAN QUẢN LÝ ATTP

Năm	Cơ quan quản lý ở địa phương			Ghi chú
	Liệt kê cơ quan, ngành tham mưu	Số người biên chế chuyên trách	Số người biên chế kiêm nhiệm	
2011	Phòng QLCLNLS&TS -Sở Nông Nghiệp &PTNT	6	-	
	Phòng NN&PTNT, phòng Kinh tế- UBND huyện/TP	0	7	
	Chi cục ATVSTP	12	0	
	Trung tâm Y tế tuyến huyện (ngành Y)		28	
	Trạm Y tế tuyến xã		141	
	Phòng Quản lý thương mại, Sở Công thương	5		
	Chi cục Quản lý thị trường	51		
2012	Chi cục QLCLNLS&TS	6	-	
	Phòng NN&PTNT, phòng Kinh tế- UBND huyện/TP	0	7	
	Chi cục ATVSTP	12	0	
	Trung tâm Y tế tuyến huyện		28	
	Trạm Y tế tuyến xã		141	
	Phòng Quản lý thương mại, Sở Công thương	5		
	Chi cục Quản lý thị trường	51		
2013	Chi cục QLCLNLS&TS	8	-	
	Phòng NN&PTNT, phòng Kinh tế- UBND huyện/TP	0	7	
	Chi cục ATVSTP	12	0	
	Trung tâm Y tế tuyến huyện		28	
	Trạm Y tế tuyến xã		141	
	Phòng Quản lý thương mại, Sở Công thương	5		
	Chi cục Quản lý thị trường	51		
2014	Chi cục QLCLNLS&TS	8	-	
	Phòng NN&PTNT, phòng Kinh tế- UBND huyện/TP	0	7	
	Chi cục ATVSTP	12	0	
	Trung tâm Y tế tuyến huyện		28	
	Trạm Y tế tuyến xã		141	
	Phòng Quản lý thương mại, Sở Công thương	5		
	Chi cục Quản lý thị trường	51		

Năm	Cơ quan quản lý ở địa phương			Ghi chú
	Liệt kê cơ quan, ngành tham mưu	Số người biên chế chuyên trách	Số người biên chế kiêm nhiệm	
2015	Chi cục QLCLNLS&TS	8	-	
	Phòng NN&PTNT, phòng Kinh tế- UBND huyện/TP	0	7	
	Chi cục ATVSTP	12	0	
	Trung tâm Y tế tuyến huyện		28	
	Trạm Y tế tuyến xã		141	
	Phòng Quản lý thương mại, Sở Công thương	5		
	Chi cục Quản lý thị trường	51		
2016	Chi cục QLCLNLS&TS	8	-	
	Phòng NN&PTNT, phòng Kinh tế- UBND huyện/TP	0	7	
	Chi cục ATVSTP	12	0	
	Trung tâm Y tế tuyến huyện		28	
	Trạm Y tế tuyến xã		141	
	Phòng Quản lý thương mại, Sở Công thương	5		
	Chi cục Quản lý thị trường	51		

BẢNG 04: ĐẦU TƯ TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO CÔNG TÁC QUẢN LÝ ATTP

Đơn vị tính: Triệu đồng

Năm	Ngân sách Trung ương			Nguồn thu được để phục vụ trực tiếp cho ATTP	Nguồn tài chính khác				Tổng vốn ngân sách (triệu đồng)
	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ giải ngân (%)		Hỗ trợ quốc tế	Đóng góp từ các tổ chức cá nhân	Nguồn khác hợp pháp khác	Tổng số	
2011	1.513	1.513	100,0	0	0	0	50	50	**1.563**
2012	1.750	1.750	100,0	0	0	0	18	18	**1.768**
2013	2.337	2.337	100,0	0	0	0	50	50	**2.387**
2014	551	551	100,0	0	0	0	0	0	**551**
2015	600	600	100,0	0	0	0	300	300	**900**
2016					0	0	235	235	**235**
Tổng	**6.751**	**6.751**	**100**	-	-	-	**653**	**653**	**7.404**

BẢNG 04b: ĐẦU TƯ TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CƠ SỞ VẬT CHẤT KỸ THUẬT, CƠ SỞ HẠ TẦNG VỀ ATTP TẠI ĐỊA PHƯƠNG

Năm	Tổng vốn ngân sách	Ngân sách từ Trung ương				Ghi chú
		Xây mới phòng kiểm nghiệm, kiểm chứng	Nâng cấp phòng kiểm nghiệm chuyên ngành đạt ISO:17025	Xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu; đào tạo nguồn nhân lực	Xây dựng cơ sở hạ tầng	
2011	-	-	-	-	-	
2012	-	-	-	-	-	
2013	-	-	-	-	-	
2014	-	-	-	-	-	
2015	-	-	-	-	-	
2016	-	-	-	-	-	
Tổng	-	-	-	-	-	

BẢNG 05: KẾT QUẢ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ATTP, GIẤY TIẾP NHẬN CÔNG BỐ HỢP QUY, GIẤY XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO, ĐĂNG KÝ TỔ CHỨC HỘI NGHỊ, HỘI THẢO, GIẤY XÁC NHẬN KIẾN THỨC ATTP

STT	Các loại hình SX, KD thực phẩm	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP				Cấp giấy tiếp nhận công bố hợp quy			Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo; đăng ký tổ chức hội thảo, hội nghị			Cấp giấy xác nhận kiến thức về ATTP		
		Tổng số cơ sở thuộc phạm vi quản lý	Tổng số cơ sở thuộc đối tượng phải cấp giấy	Số cơ sở đã được cấp	Tỷ lệ (%)	Tổng số hồ sơ xin cấp	Số hồ sơ đã được cấp		Tổng số hồ sơ xin cấp	Số hồ sơ đã được cấp		Tổng số hồ sơ xin cấp	Số giấy đã được cấp	
							Số hồ sơ	Tỷ lệ (%)		Số hồ sơ	Tỷ lệ (%)		Tổng số	Tỷ lệ (%)
I	**Ngành Nông nghiệp quản lý**	**820**	**820**	**70**	**9**	**10**	**10**	**100**	**-**	**-**	**-**	**57**	**57**	**100**
1	Nguồn gốc động vật trên cạn *(thịt, sản phẩm từ thịt;)*	513	513	29	6	3	3	100	-	-	-	17	17	100
2	Nguồn gốc thực vật *(rau, củ, quả tươi; các sản phẩm từ rau, củ quả)*	281	281	30	11	6	6	100	-	-	-	27	27	100
3	Thủy sản *(thủy sản ,sản phẩm từ thủy sản)*	26	26	11	42	1	1	100	-	-	-	13	13	100
II	**Ngành Y tế quản lý**	**2.287**	**2.287**	**872**	**38**	**23**	**23**	**100**	**36**	**36**	**100**	**3.442**	**3.442**	**100**
1	Sản xuất thực phẩm	23	23	23	100	23	23	100	-	-	-	23	23	**100**
2	Kinh doanh thực phẩm chức năng	5	5	5	100	-	-	-	34	34	**100**	5	5	**100**
3	Kinh doanh dịch vụ ăn uống	2.259	2.259	844	37	-	-	-	-	-	-	3.414	3.414	**100**
III	**Ngành Công thương quản lý**	**2.803**	**353**	**19**	**5**	**18**	**18**	**100**	**-**	**-**	**-**	**407**	**407**	**100**
1	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thuộc ngành công thương quản lý	2.803	353	19	5	18	18	100	-	-	-	407	407	**100**
Tổng I+II+III		**5.910**	**3.460**	**961**	**28**	**51**	**51**	**100**	**36**	**36**	**100**	**3.906**	**3.906**	**100**

BẢNG 05b: HỆ THỐNG SIÊU THỊ, CHỢ ĐẦU MỐI, CHỢ MUA BÁN THỰC PHẨM

Loại chợ	Trung tâm TM, siêu thị, cửa hàng chuyên doanh			Chợ đầu mối, đấu giá nông sản			Chợ hạng 1			Chợ hạng 2			Chợ hạng 3		
	Số lượng	Đủ điều kiện bảo đảm ATTP		Số lượng	Đủ điều kiện bảo đảm ATTP		Số lượng	Đủ điều kiện bảo đảm ATTP		Số lượng	Đủ điều kiện bảo đảm ATTP		Số lượng	Đủ điều kiện bảo đảm ATTP	
		Số lượng	Tỷ lệ		Số lượng	Tỷ lệ		Số lượng	Tỷ lệ		Số lượng	Tỷ lệ		Số lượng	Tỷ lệ
Chợ cửa khẩu	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chợ trong khu kinh tế cửa khẩu	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chợ biên giới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chợ kiên cố	2	2	100	-	-	-	1	-	-	2	-	-	6	-	-
Bán kiên cố	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	65	-	-
Chợ tạm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	18	-	-
Tổng số	**2**	**2**	**100**	-	-		**1**	-		**2**	-		**89**	-	-

BẢNG 06: KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM THỰC PHẨM

Loại mẫu thực phẩm	Năm	Tổng số mẫu kiểm nghiệm	Chỉ tiêu vi sinh					Chỉ tiêu hóa lý									Ghi chú
			Tổng số	Đạt theo quy định		Không đạt theo quy định		Tổng số	Đạt theo quy định		Tồn dư hóa chất vượt ngưỡng cho phép		Sử dụng hóa chất ngoài danh mục		Sử dụng hóa chất cấm		
				Số mẫu xét nghiệm	Tỷ lệ (%)	Số mẫu xét nghiệm	Tỷ lệ (%)		Số mẫu xét nghiệm	Tỷ lệ (%)	Số mẫu xét nghiệm	Tỷ lệ (%)	Số mẫu xét nghiệm	Tỷ lệ (%)	Số mẫu xét nghiệm	Tỷ lệ (%)	
Nông sản nguồn gốc động vật trên cạn (thịt sản, sản phẩm từ thịt;)	2.011	**3**	**3**	3	100,0	-	-	-	-		-						
	2.012	**6**	**6**	6	100,0	-	-	-	-		-						
	2.013	**56**	**9**	6	66,7	3	33,3	**47**	47	100,0	-	-					
	2.014	**300**	**5**	5	100,0	-	-	**295**	295	100,0	-	-					
	2.015	**108**	**8**	8	100,0	-	-	**100**	100	100,0	-	-					
	2.016	77	**6**	6	100,0	-	-	**71**	71	100,0	-	-					
	Tổng	**550**	**37**	**34**	**91,9**	**3**	**8,1**	**513**	**513**	**100,0**	-	-	-	-	-	-	-
Nông sản nguồn gốc thực vật (rau, củ quả)	2.011	**6**	-	-	-	-	-	**6**	4	66,7	2	33,3					
	2.012	-	-	-	-	-	-	-	-		-						
	2.013	**79**	-	-	-	-	-	**79**	78	98,7	1	1,3					
	2.014	**122**	-	-	-	-	-	**122**	120	98,4	2	1,6					
	2.015	**150**	-	-	-	-	-	**150**	150	100,0	-	-					
	2.016	**91**	-	-	-	-	-	**91**	**91**	**100,0**	-	-					
	Tổng	**448**	-	-		-		**448**	**443**	**98,9**	**5**	**1,1**	-	-	-	-	-
Thủy sản và sản phẩm thủy sản	2.011	-	-	-	-	-		-	-		-						
	2.012	**20**	**20**	20	100,0	-	-	-	-		-						
	2.013	**55**	**15**	12	80,0	3	20,0	**40**	40	100,0	-	-					
	2.014	**35**	**10**	10	100,0	-	88,0	**25**	25	100,0	-	-					
	2.015	**80**	**30**	30	100,0	-	-	**50**	50	100,0	-	-					
	2.016	7	-	-		-		7	7	100,0	-	-					
	Tổng	**197**	**75**	**72**	**96,0**	**3**	**4,0**	**122**	**122**	**100,0**	-	-	-	-	-	-	-

BẢNG 7: TÌNH HÌNH NGỘ ĐỘC THỰC PHẨM

Năm	Số vụ ngộ độc thực phẩm				Nguyên nhân do vi sinh vật, hóa chất, độc tố tự nhiên				Nguyên nhân do hóa chất, độc tố tự nhiên				Sự cố về ATTP khác	Ghi chú
	Số lượng	Số ca ngộ độc	Số người mắc	Số người bị tử vong do ngộ độc	Số lượng	Số ca ngộ độc	Số người mắc	Số người bị tử vong do ngộ độc	Số lượng	Số ca ngộ độc	Số người mắc	Số người bị tử vong do ngộ độc		
2011	5	5	27	0	4	4	25	0	1	1	2	0		
2012	6	6	109	0	4	4	102	0	2	2	7	0		
2013	11	11	66	1	9	9	59	1	2	2	7	0		
2014	7	7	94	5	2	2	74	0	5	5	20	5		
2015	9	9	31	0	3	3	12	0	6	6	19	0		
2016	6	6	37	0	3	3	22	0	3	3	15	0		
Tổng cộng	**44**	**44**	**364**	**6**	**25**	**25**	**294**	**1**	**19**	**19**	**70**	**5**		

BIỂU 08: THÔNG TIN GIÁO DỤC TRUYỀN THÔNG VỀ ATTP

Stt	Hình thức	Thôn bản/ khu dân cư			Tuyến xã			Tuyến huyện			Tuyến tỉnh		
		Số lượng/ buổi, lớp	Đối tượng	Số người tham dự/ phạm vi bao phủ	Số lượng / buổi, lớp	Đối tượng	Số người tham dự/ phạm vi bao phủ	Số lượng	Đối tượng	Số người tham dự/ phạm vi bao phủ	Số lượng	Đối tượng	Số người tham dự/ phạm vi bao phủ
1	**Nói chuyện**	**7.498**	Người tiêu dùng' nhà sản xuất, kinh doanh	**374.943**									
1	Hội thảo	-	-	-				49	Người tiêu dùng' nhà sản xuất, kinh doanh	3.238	64	Người tiêu dùng' nhà sản xuất, kinh doanh	4.115
2	Phát thanh	-	-	-	-	-	-	16.223	-	Quy mô toàn tỉnh			
3	Truyền hình	-	-	-	-	-	-	-	-	-	97	Người tiêu dùng' nhà sản xuất, kinh doanh	Quy mô toàn tỉnh
4	Báo viết	-	-	-	-	-	-	-	-	-	85	Người tiêu dùng' nhà sản xuất, kinh doanh	Quy mô toàn tỉnh
5	Băng rôn, khẩu hiệu	-	-	-	-	-	-	-	-	-	269	0	-
6	Áp - phíc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Tờ gấp, tờ rơi	-	-	-	-	-	-	50.200	Người tiêu dùng' nhà sản xuất, kinh doanh	-	360	Người tiêu dùng' nhà sản xuất, kinh doanh	-
8	Băng đĩa	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

BẢNG 09: KẾT QUẢ THANH TRA, KIỂM TRA ATTP

Đơn vị: Triệu đồng

Các loại hình cơ sở	Năm	Tổng số đoàn TT,KT		Tổng số cuộc, thanh tra, kiểm tra	Thanh tra, kiểm tra theo Kế hoạch									Thanh tra, kiểm tra đột xuất								
		Liên ngành	Chuyên ngành		Số cuộc thanh tra, kiểm tra	Số cơ sở được thanh tra,kiểm tra	Số cơ sở đạt yêu cầu		Số cơ sở vi phạm cảnh cáo		Số cơ sở vi phạm bị phạt tiền			Số cuộc thanh tra, kiểm tra	Số cơ sở được thanh tra,kiểm tra	Số cơ sở đạt yêu cầu		Số cơ sở vi phạm cảnh cáo		Số cơ sở vi phạm bị phạt tiền		
							Số cơ sở	*Tỷ lệ (%)*	*Số cơ sở*	*Tỷ lệ (%)*	*Số cơ sở*	*Tỷ lệ (%)*	*Tổng số tiền bị phạt*			*Số cơ sở*	*Tỷ lệ (%)*	*Số cơ sở*	*Tỷ lệ (%)*	*Số cơ sở*	*Tỷ lệ (%)*	*Tổng số tiền bị phạt*
Thịt và các sản phẩm từ thịt	2011	2	12	12	12	1.232	1.100	89,3	132	10,7	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	2012	5	13	13	13	1.436	1.291	89,9	145	10,1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	2013	5	15	15	12	848	758	89,4	90	10,6	-	-	-	3	3	3	100,0	-	-	-	-	-
	2014	7	17	17	14	1.075	995	92,6	55	5,1	25	2,3	36,4	3	3	3	100,0	-	-	-	-	-
	2015	5	16	16	13	834	787	94,4	46	5,5	1	0,1	0,3	3	3	3	100,0	-	-	-	-	-
	2016	6	16	16	13	2.045	1.943	95,0	62	3,0	40	2,0	102,3	3	3	3	100,0	-	-	-	-	-
	Tổng	**30**	**89**	**89**	**77**	**7.470**	**6.874**	**92,0**	**530**	**7,1**	**66**	0,9	**139,1**	**12**	**12**	**12**	**100,0**	-	-	-	-	-
Rau, củ quả và các sản phẩm từ rau của quả	2011	-	-	-	-	380	380	100,0	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-
	2012	3	2	2	2	20	20	100,0	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-
	2013	3	6	6	3	59	58	98,3	-	-	1	1,7	3,0	3	3	3	100,0	-	-	-	-	-
	2014	3	7	7	3	81	79	97,5	2	2,5	-	-	-	4	4	4	100,0	-	-	-	-	-
	2015	3	7	7	3	92	92	100,0	-	-	-	-	-	4	4	4	100,0	-	-	-	-	-
	2016	3	8	8	3	106	106	100,0	-	-	-	-	-	5	5	5	100,0	-	-	-	-	-
	Tổng	**15**	**30**	**30**	**14**	**738**	**735**	**99,6**	**2**	**0,3**	1	**0,1**	**3,0**	**16**	**16**	**16**	**100,0**	-	-	-	-	-
Thủy sản, sản phẩm thủy sản	2011	-	-	-	-	85	85	100,0	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-
	2012	-	-	-	-	20	20	100,0	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-
	2013	3	6	6	3	32	29	90,6	3	9,4	-	-	-	3	3	3	100,0	-	-	-	-	-
	2014	3	8	8	4	36	36	100,0	-	-	-	-	-	4	4	4	100,0	-	-	-	-	-
	2015	3	10	10	5	88	88	100,0	-	-	-	-	-	5	5	5	100,0	-	-	-	-	-
	2016	3	6	6	3	38	38	100,0	-	-	-	-	-	3	3	3	100,0	-	-	-	-	-
	Tổng	**12**	**30**	**30**	**15**	**299**	**296**	**99,0**	**3**	**1,0**	-	-	-	**15**	**15**	**15**	**100,0**	-	-	-	-	-
Về lĩnh vực kiểm dịch động vật, vệ sinh thú y đối với động vật, sản phẩm động vật	2011	2		2	1	17	16	94,1			1	5,9	2,5	1	49					49	100	72,5
	2012	2		2	1	22	20	90,9			2	9,1	2,2	1	28					28	100	42,8
	2013	2		2	1	16	15	93,8			1	6,3	1	1	28					28	100	42
	2014	2		2	1	18	17	94,4			1	5,6	1	1	44					44	100	140,15
	2015	2		2	1	14	14	100,0			0	-	0	1	45					45	100	142
	2016	2		2	1	11	11	100,0			0	-	0	1	51					51	100	137,35
	Tổng	**12**		**12**	**6**	**98**	**93**	**94,9**			**5**	**5,1**	**6,7**	**6**	**245**					**245**		**576,8**

Các loại hình cơ sở	Năm	Tổng số đoàn TT,KT		Tổng số cuộc, thanh tra, kiểm tra	Thanh tra, kiểm tra theo Kế hoạch									Thanh tra, kiểm tra đột xuất								
		Liên ngành	Chuyên ngành		Số cuộc thanh tra, kiểm tra	Số cơ sở được thanh tra,kiểm tra	Số cơ sở đạt yêu cầu		Số cơ sở vi phạm cảnh cáo		Số cơ sở vi phạm bị phạt tiền			Số cuộc thanh tra, kiểm tra	Số cơ sở được thanh tra,kiểm tra	Số cơ sở đạt yêu cầu		Số cơ sở vi phạm cảnh cáo		Số cơ sở vi phạm bị phạt tiền		
							Số cơ sở	*Tỷ lệ (%)*	*Số cơ sở*	*Tỷ lệ (%)*	*Số cơ sở*	*Tỷ lệ (%)*	*Tổng số tiền bị phạt*			*Số cơ sở*	*Tỷ lệ (%)*	*Số cơ sở*	*Tỷ lệ (%)*	*Số cơ sở*	*Tỷ lệ (%)*	*Tổng số tiền bị phạt*
Về mặt hàng thực phẩm thuộc trách nhiệm QL của ngành CT (Rượu, bia, nước giải khát, sản phẩm từ ngũ cốc, tinh bột..)	2011	2		2	1	50	35	70,0			15	30,0	13	1	87					87	100	145
	2012	2		2	1	62	37	59,7			25	40,3	16	1	73					73	100	128,4
	2013	2		2	1	65	38	58,5			27	41,5	12,5	1	43					43	100	108,5
	2014	2		2	1	77	45	58,4			32	41,6	18	1	49					49	100	78,05
	2015	2		2	1	67	38	56,7			29	43,3	17,5	1	75					75	100	93,5
	2016	2		2	1	74	49	66,2			25	33,8	16,2	1	102					102	100	107,5
	Tổng	**12**		**12**	**6**	**395**	**242**	**61,3**			**153**	**38,7**	**93,2**	**6**	**429**					**429**	**100**	**660,95**
Sản xuất kinh doanh các sản phẩm thuộc quản lý của ngành Y tế	2011	149	1	14.805	4	5.021	4.348	86,6	534	10,6	72	1,4	66,6									
	2012	149	1	12.648	4	5.421	4.699	86,7	514	9,5	86	1,6	58,2									
	2013	149	1	14.907	4	5.518	4.605	83,5	632	11,5	44	0,8	61,0									
	2014	149	1	16.320	4	6.589	5.775	87,6	186	2,8	56	0,8	89,6									
	2015	149	1	14.600	4	5.501	4.866	88,5	95	1,7	51	0,9	47,2									
	2016	149	1	10.730	4	4.916	4.140	84,2	23	0,5	91	1,9	113,8									
	Tổng	**894**	**6**	**84.010**	**24**	**32.966**	**28.433**	**86,2**	**1.984**	**6,0**	**400**	**1,2**	**436,25**	**0**	**0**	**0**	**0,0**	**0**	**0,0**	**0**	**0,0**	**0**

BẢNG 09b: KẾT QUẢ KIỂM TRA CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH NÔNG LÂM THỦY SẢN ĐỦ ĐIỀU KIỆN ATTP

Các loại hình cơ sở sản xuất, kinh doanh	Năm	Số cơ sở được kiểm tra	Kết quả phân loại sau kiểm tra						Xử lý sau khi tái kiểm tra		Ghi chú
			Cơ sở loại A		Cơ sở loại B		Cơ sở loại C		Số cơ sở loại C khắc phục	Tỷ lệ (%)	
			Số cơ sở	Tỷ lệ (%)	Số cơ sở	Tỷ lệ (%)	Số cơ sở	Tỷ lệ (%)			
Nông sản nguồn gốc động vật	2.011	-	-		-		-		-	-	
	2.012	-	-		-		-		-	-	
	2.013	4	3	75,0	1	25,0	-	-	-	-	
	2.014	3	3	100,0	-	-	-	-	-	-	
	2.015	303	2	0,7	301	99,3	-	-	-	-	
	2.016	3	1	33,3	2	66,7	-	-	-	-	
	Tổng	**313**	**9**	**2,9**	**304**	**97,1**	**-**	**-**	-	-	
Nông sản nguồn gốc thực vật	2.011	9	2	22,2	5	55,6	2	22,2	2	100,0	
	2.012	10	3	30,0	7	70,0	-	-	-	-	
	2.013	13	8	61,5	5	38,5	-	-	-	-	
	2.014	14	9	64,3	5	35,7	-	-	-	-	
	2.015	14	7	50,0	7	50,0	-	-	-	-	
	2.016	19	11	57,9	8	42,1	-	-	-	-	
	Tổng	**79**	**40**	**50,6**	**37**	**46,8**	**2**	**2,5**	**2**	**100,0**	
Thủy sản, sản phẩm thủy sản	2.011	-	-		-		-		-	-	
	2.012	-	-		-		-		-	-	
	2.013	1	-	-	1	100,0	-	-	-	-	
	2.014	3	-	-	3	100,0	-	-	-	-	
	2.015	2	-	-	2	100,0	-	-	-	-	
	2.016	4	2	50,0	2	50,0	-	-	-	-	
	Tổng	**10**	**2**	**20,0**	**8**	**80,0**	**-**	**-**	-	-	
Tổng		**402**	**51**	**12,7**	**349**	**86,8**	**2**	**0,5**	**2**	**100,0**	

BẢNG 10: TỔNG HỢP TÌNH HÌNH VI PHẠM, XỬ LÝ VI PHẠM CÁC QUY ĐỊNH VỀ ATTP

Năm	Số vụ vi phạm (Vụ)	Đã xử lý			Thu nộp ngân sách (triệu đồng)	Sản xuất, kinh doanh thực phẩm giả, xâm phạm quyền sở hữu CN		Sử dụng chất cấm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm		Sử dụng nguyên liệu không rõ nguồn gốc, hóa chất, phụ gia ngoài danh mục		Sản xuất kinh doanh thực phẩm chứa chất độc hại hoặc nhiễm chất độc, tác nhân gây ô nhiễm vượt quá giới hạn cho phép		Sản xuất kinh doanh thực phẩm không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng		Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm ATTP (vụ)	Vi phạm quy định về xuất nhập khẩu thực phẩm (vụ)	Vi phạm quy định về quảng cáo thực phẩm (vụ)	Vi phạm quy định về ghi nhãn thực phẩm (vụ)	Các loại vi phạm khác (vụ)
		Tổng số (vụ)	Xử phạt hành chính (vụ)	Xử lý hình sự (vụ)		Số vụ vi phạm (vụ)	Số vụ đã xử lý (vụ)	Số vụ vi phạm (vụ)	Số vụ đã xử lý (vụ)	Số vụ vi phạm (vụ)	Số vụ đã xử lý (vụ)	Số vụ vi phạm (vụ)	Số vụ đã xử lý (vụ)	Số vụ vi phạm (vụ)	Số vụ đã xử lý (vụ)					
2011	957	957	224	0	299,6		0		0	152	152		0		0	72				
2012	995	995	214	0	247,6		0		0	128	128		0		0	86				
2013	1.106	1.106	144	0	228,0	1	1		0	99	99		0		0	44				
2014	1.022	1.022	207	0	363,2	2	2		0	149	149		0		0	56				
2015	831	831	201	0	300,5	1	1		0	149	149		0		0	51				
2016	1.056	1.056	309	0	477,2	2	2		0	216	216		0		0	91				
Tổng	**5.967**	**5.967**	**1.299**	**0**	**1.916,1**	**6**	**6**	**0**	**0**	**893**	**893**	**0**	**0**	**0**	**0**	**400**	**0**	**0**	**0**	**0**